

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và ông Phan Hải Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh ngày 17/6/1988; hiện trú tại: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Minh V, sinh ngày 13/02/1987; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Minh V kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ); nay là xã T, tỉnh Quảng Trị vào ngày 16 tháng 9 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi anh V đi làm ăn xa, có ngoại tình, không hỗ trợ kinh tế, không quan tâm đến gia đình,

sống ly thân. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị anh V có một con chung là Cao Anh M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011; chị D nguyện vọng sau ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M; yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Cao Minh V: Anh Cao Minh V hiện không có mặt ở địa phương; kết quả xác minh tại Phòng Q, Công an tỉnh Q thể hiện: anh Cao Minh V, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1987 có thông tin xuất cảnh ngày 02 tháng 01 năm 2018 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2026, ông Cao Ngọc C (bố đẻ của anh Cao Minh V) trình bày: Ông là bố ruột của anh V, hiện nay anh V đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc và thường xuyên liên lạc với ông. Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của TAND Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị, cam kết sẽ liên lạc và gửi Thông báo thụ lý vụ án cho con trai ông biết. Việc hôn nhân giữa chị D và anh V mâu thuẫn như thế nào ông không rõ; ly hôn do các con là tự định đoạt, nhưng ông mong muốn các con hàn gắn tình cảm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, có vi phạm về thời hạn mở phiên tòa sớm hơn thời gian tối thiểu theo quy định nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, đây là phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị D được ly hôn với anh V. Giao cháu Cao Anh M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng; anh V có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị D chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án”, buộc chị D chịu án phí ly hôn và anh V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Cao Minh V có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, quá trình xác minh bị đơn anh Cao Minh V đã xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc. Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức niêm yết và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 173; các khoản 1, 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án triệu tập hợp lệ anh Cao Minh V lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên toà nhưng anh V vắng mặt không có lý do; chị Trần Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh V và chị D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Cao Minh V kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ); nay là xã T, tỉnh Quảng Trị vào ngày 16/9/2010, không vi phạm các điều cấm của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị D thừa nhận cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, không hỗ trợ kinh tế cũng như chăm lo cho gia đình, vợ con; hiện nay anh chị không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V. Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh V bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị D và anh V không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các biện pháp tổng đạt nhưng anh V vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị D, không có bất cứ động

thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn để xử cho chị D được ly hôn với anh V.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh V có một con chung là Cao Anh M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011. Chị D có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

[2.2.1] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D: Hội đồng xét xử xét thấy cháu M hiện đang ở với chị D và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh V đang lao động tại Hàn Quốc nên không trực tiếp nuôi con được. Mặt khác anh V cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu M cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị D thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay cháu đang ở độ tuổi đi học, để được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của cháu thì yêu cầu của chị D buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh V không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, xác định anh V xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không có bảng lương để căn cứ thu nhập nên không có cơ sở để chứng minh. Tuy nhiên mức chị D yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng để cùng chị nuôi con là phù hợp với chi phí nuôi dưỡng, học tập tại địa phương. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D, mức cấp dưỡng với số tiền 3.000.000 đồng/tháng từ khi tháng 5/2026 (Thời điểm xét xử) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định.

[2.3] Về tài sản: Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D chịu án phí ly hôn, anh V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28; 35; 39; 147; 180; 227; 228; 469; 474; 477 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83, 84; 110; 116; 117; 118; 123; 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Cao Minh V.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Cao Anh M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011 cho chị Trần Thị Diệu chăm S, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Cao Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị D với số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2026 đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền qua lại thăm con; chị D và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; khi cần thiết anh hoặc chị có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản: Chị Trần Thị Diệu K yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Diệu C1 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001649 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Cao Minh Văn C2 nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị Diệu C1 và nộp đủ số tiền 2.250.000 đồng chi đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Án sơ thẩm xử công khai, chị Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Cao Minh V có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng trị;
- Các đương sự,
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trung Thuần;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

(Đã ký)

Phan Anh Đức